

Số: 404 /SCT-QLNL&KTAT

Bình Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2021

V/v thực hiện khai báo, quản lý và
sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường
ngành Công Thương

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc ngành Công Thương
trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Thực hiện Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương, sẽ có hiệu lực từ ngày 01/4/2021. Sở Công Thương tỉnh Bình Dương hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Dương các nội dung như sau:

1. Doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có quy mô, công suất quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT (đính kèm) và doanh nghiệp không thuộc khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 42/2020/TT-BCT gửi văn bản đề nghị Sở Công Thương cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường trước ngày 01/7/2021 để Sở Công Thương gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp tài khoản truy cập cho doanh nghiệp. Mẫu đề nghị cấp tài khoản truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT (đính kèm).

2. Về khai báo cơ sở dữ liệu môi trường

a) Sau khi được cấp tài khoản truy cập hệ thống, doanh nghiệp tiến hành đăng nhập vào trang thông tin điện tử <http://moitruongcongthuong.vn>, định kỳ hàng năm khai báo thông tin dữ liệu môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT (đính kèm).

b) Việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường hàng năm được hoàn thành trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Công Thương về thực hiện khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương để các doanh nghiệp biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- P. QLCN;
- Lưu: VT, QLNL&KTAT, Tu“pdf”.



Nguyễn Thanh Toàn



Phụ lục I

**DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG PHẢI KHAI BÁO
CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG**
(Kèm theo Công văn số 404 /SCT-QLNL&KTAT ngày 24 tháng 02 năm 2021
của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương)

TT	Ngành, lĩnh vực	Quy mô, công suất theo thiết kế/ đăng ký đầu tư
1	Nhiệt điện	Tất cả
2	Thủy điện	Từ 20 MW trở lên
3	Khai thác dầu khí	Tất cả
4	Lọc, hóa dầu	Tất cả
5	Sản xuất hóa chất, chất tẩy rửa	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
6	Sản xuất phân hóa học	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
7	Sản xuất pin, ắc quy	Từ 300.000 KWh/năm trở lên hoặc 600 tấn sản phẩm/năm trở lên
8	Sản xuất bột giấy	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
9	Sản xuất giấy có sử dụng giấy phế liệu	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
10	Sản xuất bia, nước giải khát	Từ 30.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
11	Sản xuất cồn, rượu	Từ 2.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
12	Dệt có nhuộm	Từ 100.000.000 m ² vải/năm trở lên
13	Thuộc da	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
14	Sản xuất sản phẩm từ cao su	Từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
15	Sản xuất gang, thép, luyện kim	Từ 300.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
16	Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng)	Thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP TÀI KHOẢN TRUY CẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG
 (Kèm theo Công văn số 404 /SCT-QLNL&KTAT ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương)

Mẫu 01: Văn bản đề nghị cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

(Địa danh), ngàytháng....năm

V/v Đề nghị cấp tài khoản
 truy cập cơ sở dữ liệu môi
 trường ngành Công Thương

Kính gửi: Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 42/2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp tài khoản truy cập./.

(2)

Nơi nhận:


- Như trên;

- Lưu:

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty ...						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	...						

Ghi chú: (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

Phụ lục III

DANH MỤC DỮ LIỆU, THÔNG TIN KHAI BÁO CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 404 /SCT-QLNL&KTAT ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Sở Công Thương tỉnh Bình Dương)

1. Thông tin chung doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp;
- Nhóm ngành nghề doanh nghiệp;
- Ngành nghề sản xuất;
- Địa chỉ;
- Người đại diện theo pháp luật; Email; Điện thoại;
- Người khai báo; Email; Điện thoại;
- Dữ liệu về thông tin sản xuất
- + Sản lượng sản phẩm chính;
- + Mô tả sản lượng;
- + Quy trình công nghệ sản xuất.

2. Dữ liệu về tình hình sử dụng

Khối lượng nguyên, nhiên liệu, hóa chất và năng lượng sử dụng.

3. Dữ liệu giấy phép về môi trường

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường; Giấy chứng nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và các giấy phép khác theo quy định hiện hành.

4. Dữ liệu về quản lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải: Nguồn phát sinh nước thải; Năm bắt đầu hoạt động; Công suất thiết kế; Công suất xử lý hiện tại; Nguồn tiếp nhận nước thải; Công nghệ xử lý nước thải.

- Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải sản xuất; Lưu lượng nước thải sinh hoạt; Lưu lượng nước được xử lý; Lưu lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng; Lưu lượng nước làm mát.

- Chất lượng nước thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kf, Kq; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong nước thải trước (nếu có) và sau xử lý.

5. Dữ liệu về quản lý khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải: Nguồn phát sinh khí thải; Công nghệ xử lý khí thải.

- Lưu lượng khí thải.

- Chất lượng khí thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kv, Kp; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải trước (nếu có) và sau xử lý.

6. Dữ liệu về quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường: Tình trạng phân loại; Loại chất thải; Hình thức thu gom, xử lý; Số lượng chất thải rắn thông thường.

- Chất thải nguy hại: Tên chất thải nguy hại; Mã chất thải nguy hại; Số lượng chất thải nguy hại; Hình thức xử lý; Tình trạng phân loại chất thải nguy hại; Tình trạng kho lưu trữ; Hình ảnh kho chất thải nguy hại.

